

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Điền.

Bà Trần Thị Thi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị H, sinh năm: 1977 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn T.E, sinh năm: 1973 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Con chung của bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E là em Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004 (*Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Cùng địa chỉ: ấp HP, xã NLP, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-4-2021 và bản tự khai ngày 01-11-2021, nguyên đơn bà Châu Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Phùng Văn T.E qua mai mối quen biết nhau và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình đồng ý, tiến hành lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện C vào ngày 30-11-2001. Nữ trang ngày cưới có một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, quá trình chung sống vợ

chồng đã bán lấy tiền cất nhà nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Đến khoảng năm 2011, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Vì thương con, bà và ông T.E cố gắng duy trì hôn nhân. Nhưng từ năm 2016 vợ chồng vẫn phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm lợt lạt, nên từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Nay bà khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Văn T.E và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Bà và ông Phùng Văn T.E có một người con chung là Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004, hiện đang sống chung với ông T.E. Khi ly hôn, tùy con chung muốn sống với cha hoặc mẹ đều được, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Phùng Văn T.E đã tự thỏa thuận giải quyết phân chia xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Phùng Văn T.E không nợ chung của ai, cũng không ai nợ bà với ông T.E, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 01-11-2021, bị đơn ông Phùng Văn T.E trình bày:*

Ông thống nhất toàn bộ các vấn đề theo yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H là: Ông đồng ý ly hôn với bà H, do vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài mà không hàn gắn được; Con chung là Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004 muốn sống với cha hay mẹ đều được, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Do vợ chồng đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung phải thu, phải trả: Thống nhất xác định hiện nay ông và bà H không có nợ chung phải thu, phải trả. Ông thống nhất với các chứng cứ bà H đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho ông được biết. Riêng ông không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Ông thống nhất đề nghị Tòa án không hòa giải đoàn tụ, vì ông với bà H không hàn gắn được nữa.

*\* Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 03-11-2021, em Phùng Nhật T trình bày:* Cha mẹ em là Phùng Văn T.E và Châu Thị H. Hiện nay em đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của em là muốn được tiếp tục sống chung với cha.

*\* Tại phiên tòa hôm nay, ông Phùng Văn T.E, bà Châu Thị H cùng em Phùng Nhật T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy

đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 12, 14, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H: Cho bà H được ly hôn với ông Phùng Văn T.E. Về con chung là Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004 giao cho ông T.E tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung: Bà H và ông T.E đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu gì, nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Do các đương sự cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Do bà H là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn án phí hôn nhân sơ thẩm. Ngoài ra, Vị đề nghị các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Châu Thị H là nguyên đơn và ông Phùng Văn T.E là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 24-11-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng bà H, ông T.E cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL vào ngày 30-11-2001, nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian dài (Trên 10 năm) thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân từ năm 2017 cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;*

*cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...”*, nhưng bà H và ông T.E đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[4] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào ngày 08-11-2021 để bà H, ông T.E có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng cả bà H và ông T.E đều xin vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, vì giữa ông bà không thể hàn gắn hôn nhân lại được nữa.

[5] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà H và ông T.E đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Châu Thị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho bà H được ly hôn với ông T.E.

[6] *Về con chung*: Bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E có một người con chung tên Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004, hiện đang sống chung với ông T.E. Tại đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 03-11-2021, em T nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Cả bà H và ông T.E đều thống nhất khi ly hôn tùy nguyện vọng của con muốn sống chung với cha hay mẹ đều được. Do đó, cần xử cho ông T.E được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì ông T.E chưa đặt ra yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E cùng thống nhất xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, chưa đặt ra yêu cầu giải quyết; Đồng thời, ông bà có nộp cho Tòa án *Văn bản thỏa thuận “Về tài sản chung quyền sử dụng đất”* ngày 05-4-2021 do ông bà tự ký tên xác lập, nên Hội đồng xét xử miễn xét về vấn đề tài sản chung của hai đương sự.

[8] *Về nợ chung*: Do bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Châu Thị H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng bà được miễn nộp, vì bà có đơn xin miễn án phí do là cá nhân thuộc hộ cận nghèo (Theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo ngày 29-12-2018 của Ủy ban nhân dân xã NLP). Nên hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 12, 14, 15, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Châu Thị H được ly hôn với ông Phùng Văn T.E.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Phùng Nhật T, sinh ngày 13-10-2004 cho ông Phùng Văn T.E tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với cha.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông Phùng Văn T.E chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về tài sản chung:** Bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E thống nhất tự thỏa thuận, chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Bà Châu Thị H và ông Phùng Văn T.E thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Bà Châu Thị H được miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Nên hoàn trả lại cho bà Châu Thị H 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006486 ngày 21-10-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã NL;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Thảo**